

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 5 năm 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Lâm

2. Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 531/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 531/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 531/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1977; Trú tại: số 2x đường N, tổ x phường A, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Công, sinh năm 1984; Trú tại: số 2x đường N, tổ x phường A, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 03 tháng 12 năm 2019, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi (Nguyễn Thị Thu D) và anh Lê Văn C xây dựng gia đình vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi xây dựng gia đình vợ chồng chúng tôi về chung sống tại tổ x phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra

hiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Văn C.

- *Về con chung*: Vợ chồng chúng tôi có 02 người con chung là Lê Thị Hồng P, sinh ngày 2x/x/20xx và Lê Thị Hồng N, sinh ngày 0x/0x/20xx.

Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh Lê Văn C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con 1.500.000 đồng) cho đến khi cả 02 con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân quận Thanh Khê đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Lê Văn C, để biết việc bà Nguyễn Thị Thu D gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án. Đồng thời, Toà án đã thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định về việc đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở lại phiên tòa đối với ông Lê Văn C, nhưng ông Lê Văn C không có ý kiến phản hồi và vắng mặt tại các phiên hoà giải cũng như hai lần mở phiên tòa.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo theo các Điều: 171, 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;

+ Bị đơn, mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều: 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về qua hệ hôn nhân: Việc bà Nguyễn Thị Thu D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lê Văn C là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà Nguyễn Thị Thu D được ly hôn với ông Lê Văn C.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc xin nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Thu D, giao 02 người con chung là Lê Thị Hồng P, sinh ngày 2x/x/20xx và Lê Thị Hồng N, sinh ngày 0x/0x/20xx cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Lê Văn C phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho bà D mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con 1.500.000 đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu D không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

+ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu D xác định không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn Công có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại 2x N, tổ xx phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Văn C tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông C vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu D và ông Lê Văn C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Thu D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Lê Văn C, lý do là tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu D thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng yêu thương, chia sẻ, quan tâm nhau. Tuy nhiên theo bà D thì trong thời gian chung sống với nhau giữa bà và ông Lê Văn C không có được những điều đó thể hiện ở việc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau, mặc dù vợ chồng vẫn chung sống với nhau dưới một mái nhà tuy nhiên đã chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm lẫn nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự để tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện được do ông Lê Văn C không hợp tác, điều này thể hiện ông Lê Văn C không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu D đối với ông Lê Văn C là thỏa đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Thu D và ông Lê Văn C có 02 người con chung là Lê Thị Hồng P, sinh ngày 2x/x/20xx và Lê Thị Hồng N, sinh ngày 0x/0x/20xx.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông Lê Văn C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con 1.500.000 đồng); còn ông Lê Văn C không có ý kiến gì về nguyện vọng được nuôi con chung cũng như yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung của bà Nguyễn Thị Thu D.

Xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo cuộc sống cũng như tương lai của các cháu và điều kiện thực tế của mỗi bên. Bà Nguyễn Thị Thu D có thu nhập ổn định, con chung đều là con gái đang ở độ tuổi cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ do đó cần giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là phù hợp.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà D, Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại cả 02 con chung đều đang đi học chi phí sinh hoạt hàng ngày nhiều nên cần buộc ông Lê Văn C phải có trách nhiệm trong việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho bà D mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con 1.500.000 đồng) là phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu D xác định không có.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị Thu D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Ông Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng nuôi con chung).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Nguyễn Thị Thu D đối với ông Lê Văn C

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu D được ly hôn với ông Lê Văn C.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Lê Thị Hồng P, sinh ngày 2x/x/20xx và Lê Thị Hồng N, sinh ngày 0x/0x/20xx cho bà Nguyễn Thị Thu D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc ông Lê Văn C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho bà Nguyễn Thị Thu D mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con 1.500.000 đồng) cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi, thời gian đóng góp cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 hàng tháng bắt đầu từ tháng 6 năm 2020.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu D không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu D xác định không có.

5. Về án phí:

+ Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thu D phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Diễm đã nộp tại biên lai thu số 0001506 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Như vậy bà D đã nộp đủ án phí;

+ Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng ông Lê Văn C phải chịu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- UBND phường An Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Khánh